

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Phạm Văn Ty

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng- Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án số 250/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; có mặt

- Bị đơn: Anh Vũ Văn B; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Văn B kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh B tại thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh Bình không chịu làm ăn gì, có quan hệ với người phụ nữ khác và có con dẫn đến vợ chồng va chạm bất hòa đánh cãi nhau, cuộc sống vợ chồng luôn sống trong tình trạng căng thẳng, không có hạnh phúc. Bản thân chị đã cố gắng tìm nhiều cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã đưa con về bên ngoại tại Thái Bình sinh sống từ năm 2011 đến nay, cũng từ đó hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn B để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Vũ Văn B có một con chung Vũ Thị Phương T, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2009. Từ khi hai bên sống ly thân con chung do chị nuôi dưỡng, Ly hôn chị Thủy đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh B yêu cầu nuôi con chung chị không chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị và anh Vũ Văn B không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vũ Văn B: Anh Vũ Văn B đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh Bình đến Tòa án giải quyết việc chị Nguyễn Thị T xin ly hôn nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào các điều 28, 70, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn B. Về con chung: Giao con chung Vũ Thị Phương Thảo, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng nuôi dưỡng sau ly hôn, chị T không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 23 tháng 11 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của bị đơn anh Vũ Văn B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Bình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh B tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Vũ Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của Nguyễn Thị T về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, bất hòa, đánh cãi nhau, không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh B có quan hệ với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo anh B đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh B đều vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ, tại phiên tòa tiếp tục vắng mặt. Bản thân chị T xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Bình, hôn nhân không có hạnh phúc, sống ly thân nhiều năm nay, mâu thuẫn hai bên không thể khắc phục đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn B.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn B đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Thủy đối với anh B là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn B.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn B có một con chung Vũ Thị Phương T, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2009. Ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng sau ly hôn, chị nuôi con chung không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Còn anh B không có quan điểm về con chung. Xét việc nuôi dưỡng con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, từ năm 2011 đến nay con chung do chị T nuôi dưỡng đã ổn định. Căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của con chung nên giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T nuôi con không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét quan điểm về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn chị T đưa ra là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào chị T có yêu cầu, Tòa án sẽ xem xét bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 23 tháng 11 năm 2018

cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, anh Vũ Văn B không có quan điểm về tài sản chung. Do vậy, Hội đồng không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Thị Phương T, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 23 tháng 11 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015245 ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Vũ Văn B vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã A (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân

Nguyễn Thị Lợi

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND TT An Dương, An Dương, HP
(nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

